



Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: Mực Nhuộm Thăng Hoa

Đen Sb411 T

An Toàn: 037-W485419

Ngày thiết lập: 2020/06/08

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

Mục 1 - LAI LỊCH

Định Danh Sản Phẩm: Mực Nhuộm Thăng Hoa Đen Sb411 T

Mô Tả Sản Phẩm: SB411-KT-2L-5 / SB411-KT-BJ-5

Công dụng của sản phẩm

Mực máy in phun

Các Giới Hạn Sử Dụng

Chưa biết.

Thông tin về nhà sản xuất

Mimaki Engineering Co., Ltd

2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano

389-0512 Japan

Số Điện Thoại: +81-268-64-2413

Số điện thoại khẩn cấp

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)

+65 3158 1074

Mục 2 - THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

CAS	thành phần	phần trăm
7732-18-5	nước	55-65
57-55-6	1,2-PROPYLEN GLYCOL	10-20
Bí mật Thương mại	Khác	<10
56-81-5	GLYCERIN	5-15
Bí mật Thương mại	Vật liệu sơn	1-10
Không có	Chất bảo quản	<0.5

Mục 3 – NHẬN DẠNG NGUY CƠ

Phân Loại theo GHS

Tác nhân nhạy da, Cấp 1

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn, Cấp 1 (hệ thống thần kinh trung ương, hệ thống máu)

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại, Cấp 1 (hệ thống thần kinh trung ương, cơ quan hô hấp)

THÀNH PHẦN NHÃN GHS

(Các) Ký Hiệu



Từ Cảnh Báo

Bản Thông Tin An Toàn

Nguy hiểm

(Các) Tiêu Ngữ Hiểm Họa

H317 Có thể gây dị ứng da.

H370 Gây tổn thương cho các cơ quan (hệ thống thần kinh trung ương, hệ thống máu)

H372 Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (hệ thống thần kinh trung ương, cơ quan hô hấp)

(Các) Tiêu Ngữ Đề Phòng

Phòng ngừa

P260 Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.

P264 Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác.

P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.

P272 Quần áo làm việc đã bị nhiễm không được mang ra ngoài nơi làm việc.

P280 Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/phương tiện bảo vệ mặt.

Ứng phó

P302+P352 KHI BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.

P308+P311 Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

P314 Hồi ý kiến tư vấn y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P333+P313 Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.

P363 Giặt sạch quần áo bị nhiễm trước khi sử dụng lại.

Bảo quản

P405 Lưu trữ có khóa chặt.

Thải bỏ

P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Các Hiểm Họa khác không Dẫn Đến phải Phân Loại

Chưa biết.

* * *Mục 4 - Các Biện Pháp Sơ Cứu* * *

hít phải

Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc bác sĩ.

da

Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc. Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

mắt

Rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Tìm y tế chăm sóc ngay.

ăn phải

Nếu nuốt phải, tìm y tế chăm sóc.

Bác sĩ cần lưu ý

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Triệu chứng: Tức Thời

dị ứng da, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương hệ thống máu

Triệu chứng: Chậm Xảy Ra

dị ứng da, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương hệ cơ quan hô hấp

Bản Thông Tin An Toàn

*****Mục 5 - Các Biện Pháp Chữa Cháy*****

Chất Chữa Cháy Phù Hợp

cacbon dioxyt, hóa chất khô thông thường, nước xịt, bột chịu alcol

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp

Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao.

Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất

Hiểm họa cháy không đáng kể.

Trang Bị Bảo Hộ và Biện Pháp Đề Phòng Đặc Biệt cho Nhân Viên Chữa Cháy

Sử dụng trang phục bảo hộ chữa cháy đầy đủ kể cả thiết bị thở độc lập (SCBA) để bảo vệ chống khả năng bị tiếp xúc.

Các Biện Pháp Chữa Cháy

Đưa thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không gặp nguy hiểm. Không gây phát tán vật liệu bị tràn đổ bằng nước xịt áp suất cao. Làm nguội dụng cụ đựng bằng nước cho đến khi lửa đã tắt hẳn được một lúc. Tránh xa các đầu của bồn chứa. Tránh hít phải vật liệu hoặc các sản phẩm phụ của quá trình cháy.

Các Sản Phẩm Cháy Gây Nguy Hiểm

Cháy: oxyt của cacbon, acrolein, các oxyt của lưu huỳnh

*****Mục 6 - Các Biện Pháp Xử Lý Rò Rỉ Bất Ngờ*****

Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân, Trang Bị Bảo Hộ và Quy Trình Xử Lý Khẩn Cấp

Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8.

Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường

Tránh thải ra môi trường.

Các Phương Pháp và Vật Liệu dùng để Ngăn Chặn và Làm Sạch

Loại bỏ mọi nguồn lửa nếu có thể thực hiện được an toàn. Ngăn chặn rò rỉ nếu có thể làm được mà không bị nguy hiểm cho người. Làm giảm bốc hơi bằng cách xịt nước.

Các Phương Pháp Làm Sạch

Lượng tràn đổ nhỏ: Dùng cát hoặc vật liệu không cháy khác để thấm hút. Thu gom vật liệu bị tràn đổ vào dụng cụ đựng phù hợp để thải bỏ. **Lượng tràn đổ lớn:** Ngăn chặn thu gom để thải bỏ sau này. Người không có trách nhiệm cần tránh xa, cô lập khu vực hiểm họa, không cho vào. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp.

*****Mục 7 - Thao Tác và Bảo Quản*****

Các biện pháp đề phòng cho Thao Tác An Toàn

Tránh hít bụi, sương, khói hoặc hơi. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Đeo găng tay bảo hộ và phương tiện bảo vệ mắt/mặt. Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác. Quần áo làm việc đã bị nhiễm không được mang ra ngoài nơi làm việc.

Các điều kiện Bảo Quản An Toàn, kể cả mọi Chất Tương Ky

Bảo quản và xử lý theo tất cả các quy định và tiêu chuẩn hiện hành. Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Giữ mát. Giữ cách ly khỏi các chất tương ky.

Các chất tương ky: axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, oxyt kim loại, peoxit, chất khử, vật liệu có thể cháy, halocacbon, kim loại, muối kim loại



Bản Thông Tin An Toàn

Định Danh Sản Phẩm: Mực Nhuộm Thăng Hoa

Đen Sb411 T

An Toàn: 037-W485419

Ngày thiết lập: 2020/06/08

Ngày sửa đổi: 2026/08/28

* * *Mục 8 - KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN* * *

Giới Hạn Tiếp Xúc Của Thành Phần

1,2-PROPYLEN GLYCOL (57-55-6)

AIHA: 10 mg/m³ TWA

GLYCERIN (56-81-5)

OSHA: 15 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian (sương, tổng hạt); 5 mg/m³ Đo trung bình theo thời gian (sương, phần có thể hít)

Các Giá Trị Giới Hạn Sinh Học Của Thành Phần

Không có giá trị giới hạn sinh học nào cho (các) thành phần của sản phẩm này.

Các Biện Pháp Kiểm Soát Kỹ Thuật Phù Hợp

Cung cấp phương tiện hút thoát khí tại chỗ hoặc hệ thống thông khí cho buồng kín của quy trình làm việc. Bảo đảm tuân thủ các giới hạn tiếp xúc hiện hành.

Các Biện Pháp Bảo Vệ Cá Nhân, như Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Mắt/Mặt

Đeo kính an toàn chống văng bắn có bộ phận che mặt. Cung cấp điểm rửa mắt khăn cấp và tắm ướt nhanh ngay cạnh khu vực làm việc.

Trang Phục Bảo Hộ

Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp.

Các đề nghị về găng tay

Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp.

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tham khảo ý kiến của người có chuyên môn về sức khỏe và an toàn để được biết các thiết bị thở phù hợp với việc sử dụng của quý vị.

* * *Mục 9 - TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC* * *

Trạng Thái Vật Lý:	chất lỏng	Ngoại quan:	đen chất lỏng
Màu:	đen	Dạng Vật Lý:	chất lỏng
Mùi:	mùi đặc trưng	Ngưỡng Phát Hiện Mùi:	Không có
pH:	7-9	Điểm Cháy:	Không có
Điểm Sôi:	Không có	Điểm Chớp Cháy:	không dễ cháy
Nhiệt Độ Phân Hủy:	Không có	Tốc Độ Bay Hơi:	Không có
LEL (Giới hạn tiếp xúc dưới):	Không có	UEL (Giới hạn tiếp xúc trên):	Không có
Áp Suất Hơi:	Không có	Tỷ Khối Hơi (không khí = 1):	Không có
Tỷ trọng:	Không có	Khối Lượng Riêng (nước = 1):	1-1.2 (25 °C)
Độ Tan Trong Nước:	dễ tan	log Kow (logarit của hệ số phân tách octanol - nước):	Không có
Hệ Số Phân Bối Trong Nước/Dầu:	Không có	Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy:	Không có
Độ Nhớt:	4-6 mPas (25 °C)	Khả năng bay hơi:	Không có
Tính Chất Oxy Hóa:	Không có	Tính Chất Nổ:	Không có
Khả năng cháy (rắn, khí):	Không áp dụng		

Bản Thông Tin An Toàn

Thông Tin Về Tính Chất Khác

Không có thông tin thêm.

*****Mục 10 - ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG*****

Khả năng phản ứng

Dự kiến sẽ không có hiểm họa do khả năng phản ứng.

Độ bền hóa học

Bền trong các điều kiện sử dụng bình thường.

Các điều kiện cần Tránh

Tránh ngọn lửa, tia lửa và các nguồn lửa khác. Tránh tiếp xúc với vật liệu tương kỵ.

Khả Năng Phản Ứng Nguy Hiểm

Sẽ không polyme hóa.

Các Vật Liệu Tương Kỵ

axit, kiềm, vật liệu oxy hóa, oxyt kim loại, peoxit, chất khử, vật liệu có thể cháy, halocacbon, kim loại, muối kim loại

Sản Phẩm Phân Hủy Gây Nguy Hiểm:

Cháy: oxyt của cacbon, acrolein, các oxyt của lưu huỳnh

*****Mục 11 - Thông Tin Về Độc Tính*****

Độc Tính Lâu Dài và Cấp Tính

Phân Tích Thành Phần - LD50/LC50

(Các) thành phần của vật liệu này đã được kiểm tra lại ở nhiều nguồn khác nhau và các tiêu chí đánh giá được chọn sau đây đã được công bố:

1,2-PROPYLEN GLYCOL (57-55-6)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 20 g/kg; LD50 (liều bán tử) qua da thỏ 20800 mg/kg

GLYCERIN (56-81-5)

LD50 (liều bán tử) qua miệng chuột (rat) 12600 mg/kg; LD50 (liều bán tử) qua da thỏ >10 g/kg; LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp chuột (rat) >570 mg/m³ 1 h

Các Tác Dụng Tức Thời

dị ứng da, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương hệ thống máu

Các Tác Dụng Chậm Xây Ra

dị ứng da, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương hệ cơ quan hô hấp

Dữ liệu về Khả năng Kích ứng/Ăn mòn

Không có thông tin về sản phẩm.

Chất Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp

Không có thông tin về sản phẩm.

Chất Gây Mẫn Cảm Da

Có thể gây dị ứng da.

Khả năng gây ung thư

Khả Năng Gây Ung Thư Của Thành Phần

Không có dữ liệu nào được ACGIH, IARC, NTP, DFG hoặc OSHA liệt kê trong danh mục cho (các) thành phần của sản phẩm này.

Dữ liệu về Gây Đột Biến Gen

Bản Thông Tin An Toàn

Không có thông tin về sản phẩm.

Dữ Liệu Về Các Tác Dụng Trên Sinh Sản

Không có thông tin về sản phẩm.

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Một Lần

dị ứng da, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương hệ thống máu

Độc Tính Đối Với Cơ Quan Đích Đặc Hiệu - Tiếp Xúc Nhiều Lần

dị ứng da, tổn thương hệ thần kinh trung ương, tổn thương hệ cơ quan hô hấp

hiểm họa hít phải

Không được xem là hiểm họa hít phải.

Các Bệnh Sẽ Nặng Thêm khi Tiếp Xúc

Không có thông tin về sản phẩm.

* * *Mục 12 - Thông Tin Về Sinh Thái* * *

Độc Tính Cho Môi Trường Nước

1,2-PROPYLEN GLYCOL (57-55-6)

Cá: 96 Hr LC50 *Oncorhynchus mykiss*: 51600 mg/L [Tinh]; 96 Hr LC50 *Oncorhynchus mykiss*: 41 - 47 mL/L [Tinh]; 96 Hr LC50 *Pimephales promelas*: 51400 mg/L [Tinh]; 96 Hr LC50 *Pimephales promelas*: 710 mg/L

Tảo: 96 Hr EC50 *Pseudokirchneriella subcapitata*: 19000 mg/L

Động vật không xương sống: 48 Hr EC50 *Daphnia magna*: >1000 mg/L [Tinh]

GLYCERIN (56-81-5)

Cá: 96 Hr LC50 *Oncorhynchus mykiss*: 51 - 57 mL/L [Tinh]

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả Năng Tích Tụ Sinh Học

Không có thông tin về sản phẩm.

Khả năng di chuyển trong Chất Mang Của Môi Trường

Không có thông tin về sản phẩm.

* * *Mục 13 - XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ* * *

Các Phương Pháp Thải Bỏ

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.

* * *Mục 14 - THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN* * *

Thông tin về IATA

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ICAO

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về ADR

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

Thông tin về IMDG

Không được quy định là hàng nguy hiểm cho vận chuyển.

*** * *Mục 15 - Thông Tin Về Quy Định* * ***

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

Theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP, sản phẩm đã được rà soát đối với các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

Kết quả rà soát:

- Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Không có thành phần nào thuộc danh mục.
- Danh mục hóa chất cấm: Không có thành phần nào thuộc danh mục.

*** * *Mục 16 - Thông Tin Khác* * *****Chú Dẫn/Chú Giải**

ACGIH - Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ; ADR - Vận Chuyển Đường Bộ Châu Âu; CAS - Dịch Vụ Thông Tin Hóa Chất Tóm Tắt; CLP - Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói; EEC - Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu; EIN (EINECS) - Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hữu của châu Âu; ELN (ELINCS) - Danh Mục Hóa Chất Đa~ Được Thông Báo của Châu Âu; IARC - Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế; IATA - Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế; IMDG - Quy Định Quốc Tế Về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Nguy Hiểm; Mã IBC - Mã Quốc Tế của Hóa Chất Khối Lượng Lớn; Kow - Hệ số phân tách octanol/nước; LC50 - Nồng Độ Tử Vong, 50%; LD50 - Liều Tử Vong, 50%; LEL - Giới Hạn Nổ Dưới; LOLI - Danh mục của các danh mục™ - Cơ sở dữ liệu các quy định của ChemADVISOR; MAK - Giá Trị Nồng Độ Tối Đa tại Nơi Làm Việc; MEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Tối Đa; NTP = Chương Trình Chất Độc Quốc Gia; REACH - Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép và Hạn Chế Hóa Chất; RID - Vận Chuyển Đường Sắt Châu Âu; STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn; TWA - Nồng Độ Bình Quân Theo Thời Gian; UEL - Giới Hạn Nổ Trên

Thông tin khác

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.